

TỔNG CÔNG TY TÂN CẢNG SÀI GÒN
SAIGON NEWPORT CORPORATION
CÔNG TY TNHH CẢNG CONTAINER
QUỐC TẾ TÂN CẢNG HẢI PHÒNG
TAN CANG HAI PHONG INTERNATIONAL
CONTAINER TERMINAL CO., LTD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness

Số/ No.: 1335 /TM-HICT

Cát Hải, ngày 09 tháng 09 năm 2025
CatHai, dated 09/09/2025

THƯ MỜI CHÀO GIÁ
REQUEST FOR QUOTATIONAL LETTER

Về việc Mời chào giá thiết bị máy chủ cho hệ thống phần mềm TOPOVN tại
TC-HICT / *Regarding the Request for Quotation for server equipment for the
TOPOVN software system at TC-HICT.*

Kính gửi/ *Respectfully to:* Quý Công ty/ Đơn vị cung cấp/ *Company/unit supply*

Nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty TNHH Cảng Container Quốc tế Tân Cảng Hải Phòng (TC-HICT) có kế hoạch mua sắm thiết bị máy chủ cho hệ thống phần mềm TOPOVN, cụ thể như sau/ *Aiming to support our business operations, Tan Cang Hai Phong International Container Terminal Co., Ltd (TC-HICT) plans to procure server equipment for the TOPOVN software system, specifically as follows:*

1. Tên hạng mục/ *Item Name:* Mua sắm Thiết bị máy chủ cho hệ thống phần mềm TOPOVN/ *Purchase Server equipment for the TOPOVN software system.*

2. Chủ đầu tư/ *Investor:* Công ty TNHH Cảng Container Quốc tế Tân Cảng Hải Phòng/ *Tan Cang Hai Phong International Container Terminal Co., Ltd.*

3. Địa điểm thực hiện/ *Implementation Location:* Công ty TNHH Cảng Container Quốc tế Tân Cảng Hải Phòng - Đặc khu Cát Hải, Thành phố Hải Phòng/ *Tan Cang Hai Phong International Container Terminal Co., Ltd - Cat Hai Special Zone, Hai Phong City.*

4. Yêu cầu chi tiết/ *Detailed requirements:* Phụ lục kèm theo/ *Attached appendix*

5. Yêu cầu chào giá/ *Request for Quotation:*

- Đồng tiền chào giá: Đồng tiền Việt Nam (VND)/ *Quotation Currency: Vietnamese Dong (VND).*
- Giá chào: Bao gồm giá và phí cho tất cả các loại thuế phí, chi phí cài đặt, cấu hình, chạy thử, chuyển đổi dữ liệu và các chi phí dịch vụ liên quan khác/ *Quotation Price: Includes price and fees for all taxes, installation, configuration, testing, data conversion, and other related service costs.*

- Thời gian cung cấp: Đề nghị tính toán đảm bảo thời gian cung cấp thiết bị, lắp đặt, nghiệm thu và bàn giao không quá 12 tuần/*It is recommended to calculate to ensure that the time for fire wall supply, installation, acceptance and handover is no more than 12 weeks.*
- Thời gian bảo hành: Bảo hành tối thiểu 60 tháng kể từ ngày bàn giao, nghiệm thu đưa vào sử dụng/*Warranty period: Minimum 60 months warranty from the date of handover, acceptance and put the work in use.*
- Hiệu lực chào giá: 90 ngày kể từ ngày hết hạn chào giá/*Quotation Validity: 90 days from the quotation deadline.*
- Hạn nhận thư báo giá: Hạn cuối cùng là 14h00 ngày 17/ 9 /2025/ *Deadline for receiving quotation letters: Deadline is 14.00 p.m.17/ 9 /2025*
- Thư báo giá xin gửi về địa chỉ sau/*Please send quotation letter to the following address:*
 - + Phòng Kỹ thuật- Công ty TNHH Cảng Container Quốc tế Tân Cảng Hải Phòng/*Technical Department - Tan Cang Hai Phong International Container Terminal Co., Ltd.*
 - + Địa chỉ: Khu Đôn Lương, Đặc khu Cát Hải, thành phố Hải Phòng, Việt Nam/*Address: Don Luong Area, Cat Hai Special Zone, Hai Phong City, Vietnam.*
 - + Số điện thoại: 0225.3765499- Máy nhánh: 4111/*Phone number: 0225.3765499- Ext: 4111.*

Trân trọng kính chào./.

Thanks and best regards./.

Nơi nhận/ Recipients:

- Như trên/*As above;*
- Lưu/ *Save: VT, KT.Q03.*

TỔNG GIÁM ĐỐC
GENERAL DIRECTOR



Chao, Ta-Chung

PHỤ LỤC 1: YÊU CẦU THIẾT BỊ MÁY CHỦ
APPENDIX 1: SERVER DEVICE REQUIREMENTS

(Kèm theo thư mời chào giá số 4335/TM-HICT ngày 09/09/2025/
Attached with request for quotation letter No. 4335 /TM-HICT dated 09/09/2025)

Stt/ No.	Hạng mục/ Items	Đơn vị tính/ Unit	Số lượng/ Q'ty
1	Bộ thiết bị máy chủ/ Server Devices	Bộ/Set	2
	- Xuất xứ thương hiệu của hãng sản xuất/ <i>Brand origin of the manufacturer</i>: G7/2U rackmount Server - CPU: $\geq$ 02 CPU Intel® Xeon® Platinum 8562Y+ 2.8G, 32C/64T - RAM: $\geq$ 1024 GB RDIMM - RAID Controller: $\geq$ 01 RAID controllers support RAID Level (0, 1, 5, 6, 10, 50, 60) and has $\geq$ 8GB cache - Disks: $\geq$ 2 x SSD 960GB NVMe Read Intensive - Network: + 02 x (4 port 10GbE BASE-T card) + 02 x (Dual port 10/25GbE SFP28 card) + 4 Transceiver SFP+ SR Optic 10Gb - Fibre Channel HBA: Tối thiểu/ <i>Minimum</i> 02 x (02-port 32Gb FC HBA) - Power: 02 power hot-plug $\geq$ 2000W - Hỗ trợ đầy đủ các tính năng bảo mật, quản trị tập trung của máy chủ/<i>Fully supports security features and centralized server management</i>; - Oracle Linux Premier Support; 1 year support - Bảo hành/ Warranty: ProSupport Plus 5-year hoặc tương đương/ or equivalent.		
2	Dịch vụ triển khai/ Deployment Services	Gói/ Package	01
	Vận chuyển, lắp đặt máy chủ, cập nhật firmware mới nhất và cài đặt hệ điều hành Oracle Linux; cấu hình, kết nối hệ thống máy chủ đảm bảo kết nối Multi pathing đến hệ thống lưu trữ (SAN storage); Phối hợp cấp phát vùng đĩa từ SAN storage lên hai máy chủ và kết nối vật lý giữa hai máy chủ TOPOVN, đảm bảo sẵn sàng cho việc cài đặt CSDL Oracle theo mô hình Cluster (Oracle RAC). Phối hợp chuyển đổi dữ liệu từ hệ thống máy chủ TOPO hiện tại sang hệ thống máy chủ TOPO mới đáp ứng yêu cầu tương thích với hoạt động của hệ thống máy chủ và phần mềm khai thác hiện tại của Cảng/Transport, install servers, update the latest firmware and install Oracle Linux operating system; configure and connect the server system to ensure Multi-pathing connection to the storage system (SAN storage); Coordinate the allocation of disk space from SAN storage to two servers and physical connection between two TOPOVN servers, ensuring readiness for installing Oracle database according to the Cluster model (Oracle RAC). Coordinate the conversion of data from the current TOPO server system to the new TOPO server system to meet the compatibility requirements with the operation of the current server system and operating software of the Port.		

PHỤ LỤC 2: BẢNG CHÀO GIÁ HÀNG HÓA / APPENDIX 2: GOODS QUOTATION



STT No.	Danh mục hàng hóa/ List of goods	ĐVT Unit	Số lượng/ Khối lượng Quantity	Xuất xứ, ký mã hiệu, thông số kỹ thuật của sản phẩm/ Origin, marking, specifications of goods	Đơn giá/ Unit price	Thành tiền/ Total	Thuế VAT	Tổng tiền/ Total amount
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(7)+(8)
1	Bộ thiết bị máy chủ/ Server Devices	Bộ/ Set	02					
1	Dịch vụ triển khai/ Deployment Services	Gói/ Package	01					
	Tổng cộng giá chào của hàng hóa đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) / Total offer price of goods including taxes, fees, charges (if any)							

ĐẠI DIỆN CÔNG TY